

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1144 /QĐ-ĐSPK

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Quy chế quản lý, mua sắm vật tư hàng hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 30/12/2015;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/32013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lựa chọn nhà thầu;

Xét tờ trình số: 1729/TTr- ĐSPK ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý, mua sắm vật tư hàng hóa của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc; Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- ĐU Cty;
- Ban KS Cty;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang

QUY CHẾ

QUẢN LÝ – MUA SẴM VẬT TƯ, HÀNG HÓA CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH (Ban hành kèm theo Quyết định số 44/QĐ-ĐSPK ngày 17/10/2019.)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. “Chủ đầu tư” là tổ chức sở hữu vốn hoặc tổ chức được giao thay mặt chủ sở hữu vốn, tổ chức vay vốn trực tiếp quản lý quá trình thực hiện dự án.
2. “Bên mời thầu” là cơ quan, tổ chức có chuyên môn và năng lực để thực hiện các hoạt động đấu thầu, bao gồm:
 - a) Chủ đầu tư hoặc tổ chức do chủ đầu tư quyết định thành lập hoặc lựa chọn;
 - b) Đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng nguồn vốn mua sắm thường xuyên;
 - c) Đơn vị mua sắm tập trung;
 - d) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức trực thuộc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn.
3. “Sản phẩm, dịch vụ công” là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực: y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thông tin, truyền thông, khoa học - công nghệ, tài nguyên - môi trường, giao thông - vận tải và các lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ. Sản phẩm, dịch vụ công bao gồm sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công.
4. “Vật tư, hàng hóa” là toàn bộ các nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, phụ tùng, thiết bị máy móc không thuộc tài sản cố định được sử dụng vào quá trình sản xuất.
5. “Vật tư thu hồi”: Là các vật tư đã qua sử dụng hoặc hết thời gian sử dụng được thu hồi lại từ quá trình sản xuất hoặc vật tư bị hư hỏng và không còn khả năng tái sử dụng.
6. “Công tác vật tư”: là toàn bộ các hoạt động liên quan đến vật tư, vật liệu phục vụ cho sản xuất – kinh doanh của công ty kể từ khi phát sinh nhu cầu đến khi hoàn thành đưa vào sản xuất (Lập kế hoạch, trình tự mua, bán, dự trữ, bảo quản, sử dụng, thu hồi, quyết toán, vv..)

7. “Hàng hóa”: Là sản phẩm do đơn vị sản xuất ra; vật tư, vật liệu, thiết bị công ty mua về để phục vụ sản xuất kinh doanh.

8. “Nguồn gốc vật tư”: Là nơi vật tư, hàng hóa được mua từ đó để sử dụng. Vật tư có nguồn gốc hợp pháp là vật tư không phải do vi phạm pháp luật mà có,

9. “Xuất xứ hàng hóa ”: là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa, nơi thực hiện chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa đó, phù hợp với giải thích từ ngữ tại luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005.

10. “Vật tư trong nước”: Là các loại vật tư có xuất xứ tại Việt nam phù hợp với giải thích từ ngữ tại luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005.

11. “Vật tư trong ngành”: Được hiểu là các vật tư, vật liệu, sản phẩm do các đơn vị thành viên trong Tổng công ty đường sắt Việt Nam sản xuất hoặc thực hiện công đoạn cơ bản cuối cùng để hoàn thiện thành phẩm đem đi tiêu thụ.

Điều 2: Những nguyên tắc cơ bản

- Công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh thống nhất chỉ đạo công tác quản lý, mua bán, sử dụng vật tư, hàng hóa trong Công ty bao gồm tất cả các phòng nghiệp vụ, các đội đường sắt, Xí nghiệp xây dựng công trình và các cá nhân có liên quan.

- Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, pháp luật, của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam về quản lý, mua bán, sử dụng, thu hồi vật tư, vật liệu.

- Định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của các cá nhân, đơn vị trong công tác quản lý, mua bán, sử dụng vật tư, hàng hóa.

- Đảm bảo vật tư kỹ thuật phục vụ kịp thời cho sản xuất có hiệu quả nhất.

- Thực hiện theo nguyên tắc một cấp quản lý kho.

Điều 3: Đối tượng và phạm vi áp dụng của quy chế

3.1. Đối tượng:

- Các phòng ban, Xí nghiệp XDCT, các đội đường sắt.

3.2 Phạm vi áp dụng:

- Công tác quản lý, mua sắm vật tư hàng hóa, sử dụng vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh tại công ty (được gọi tắt là *quản lý-mua sắm vật tư, hàng hóa*)

Điều 4: Yêu cầu về công tác quản lý-mua sắm vật tư, hàng hóa

1- Cơ sở xây dựng quy chế quản lý-mua sắm vật tư, hàng hóa:

a. Các văn bản hướng dẫn công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư của cơ quan có thẩm quyền;

b. Quyết định của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia hàng năm của Tổng công ty đường sắt Việt Nam;

c. Tiêu chuẩn vật tư, vật liệu có đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng sử dụng trong công tác bảo trì đường sắt quốc gia dùng ray thông thường TCCS 04:2014/VNRA; TCCS 06:2014/VNRA;

d. Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý của công ty CP ĐS Phú Khánh.

2- Yêu cầu:

a. Đảm bảo việc quản lý vật tư, hàng hóa của Công ty được chặt chẽ, đúng Pháp luật, an toàn, khoa học, tiết kiệm và hiệu quả.

b. Công tác quản lý vật tư, hàng hóa được thực hiện trên cơ sở các quy định của Pháp luật có liên quan và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3- Mục tiêu:

a. Xây dựng hệ thống quản lý-mua sắm vật tư, hàng hóa trong toàn Công ty ngày càng hiện đại, tiên tiến trên cơ sở sử dụng công nghệ tin học để quản lý vật tư. Hệ thống quản lý vật tư bao gồm:

- Hội đồng quản trị công ty CP đường sắt Phú Khánh (chủ đầu tư);
- Bên mời thầu công ty CP đường sắt Phú Khánh;
- Tổ tư vấn lập dự toán mua sắm hàng hóa;
- Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu, HSYC; kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Tổ chuyên gia đánh giá HSMT, HSYC đối với các gói thầu công ty CP đường sắt Phú Khánh là chủ đầu tư;
- Các phòng ban chức năng, cá nhân được phân công thực hiện chức năng quản lý vật tư, hàng hóa.

b. Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh, giá cả cạnh tranh, mức tồn kho ở mức hợp lý.

c. Xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định của Tổng công ty ĐSVN, của công ty CP đường sắt Phú Khánh trong công tác quản lý-mua sắm vật tư, hàng hóa.

Điều 5: Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý-mua sắm vật tư, hàng hóa của công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh

5.1. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

- Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại Điều 74 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Điều 103 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ;

- Quyết định thành lập bên mời thầu công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh;
- Quyết định thành lập tổ thẩm định hồ sơ mời thầu, HSYC; kết quả lựa chọn nhà thầu của công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh.

5.2. Quyền và trách nhiệm của Bên mời thầu:

- Thực hiện trách nhiệm của bên mời thầu quy định tại Điều 75 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Có trách nhiệm lập và trình Hội đồng quản trị công ty ký ban hành các quy định theo thẩm quyền, chỉ đạo, kiểm tra công tác quản lý-mua sắm vật tư, hàng hóa trong công ty theo các quy định của Nhà nước và chủ sở hữu.

- Tham mưu cho chủ đầu tư về hình thức, phương thức mua sắm hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Quyết định thành lập tổ tư vấn lập dự toán mua sắm hàng hóa của công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh;

- Quyết định thành lập tổ chuyên gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh;

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục mua sắm vật tư, hàng hóa tại công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế này.

5.3. Trách nhiệm của tổ chuyên gia:

- Thực hiện trách nhiệm của tổ chuyên gia quy định tại Điều 76 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

5.4. Trách nhiệm của tổ thẩm định:

- Thực hiện trách nhiệm của tổ thẩm định quy định tại Điều 78 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Mục 7 Điều 104 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ;

5.5. Trách nhiệm của tổ tư vấn lập dự toán mua sắm hàng hóa của công ty:

- Căn cứ Pháp luật về đấu thầu;

- Căn cứ phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì KCHT đường sắt quốc gia hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Căn cứ phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý của công ty

Thực hiện việc lập dự toán chi tiết từng gói thầu, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đề xuất bên mời thầu trình HĐQT (chủ đầu tư) công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh xem xét, phê duyệt;

5.6. Trách nhiệm của phòng Kế hoạch vật tư:

- Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao, tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty về công tác quản lý vật tư, hàng hóa trong sản xuất và kinh doanh;

- Trực tiếp mua, bán, lập kế hoạch cấp phát và quản lý vật tư, hàng hóa của công ty đảm bảo đúng theo các quy định của Nhà nước, quy chế của công ty;

- Phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ khai thác nguồn hàng tin cậy, chất lượng, giá cả hợp lý với các chủng loại vật tư thiết yếu cho phục vụ sản xuất để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Phối hợp cùng các phòng ban, đội đường sắt, Xí nghiệp XDCT thực hiện việc quyết toán vật tư theo quy định, theo dõi việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư và tham gia xây dựng định mức tiêu hao vật tư trong Công ty.

5.7. Trách nhiệm của bộ phận kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa :

Kiểm tra vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho phù hợp với hợp đồng kinh tế về số lượng, quy cách, chất lượng... các tiêu chuẩn vật tư, vật liệu, phụ kiện sử dụng trong công tác bảo trì công trình đường sắt Việt Nam – TCCS 04:2014/VNRA; TCCS 06:2014/VNRA.

5.8. Trách nhiệm của phòng Tài chính Kế toán:

- Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ công tác tài chính kế toán theo Luật kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp;

- Thực hiện quản lý vật tư, hàng hóa của công ty theo cả chỉ tiêu hiện vật lẫn giá trị trên nguyên tắc tất cả vật tư, hàng tồn kho chỉ được nhập, xuất kho khi đảm bảo đầy đủ các thủ tục đã được Giám đốc duyệt theo quy định.

5.9. Các phòng có liên quan: căn cứ theo chức năng nhiệm vụ của mình để thực hiện tốt công tác quản lý vật tư, hàng hóa trong Công ty.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ-MUA SẴM VẬT TƯ, HÀNG HÓA

Mục I

QUY TRÌNH MUA SẴM VẬT TƯ, HÀNG HÓA

Điều 6: Mục tiêu

- Mua đúng chủng loại vật tư, hàng hóa; mua đủ; mua kịp thời;
- Đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty;
- Mục tiêu lựa chọn nhà thầu phải đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, công khai, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 7: Phạm vi áp dụng

- Áp dụng với tất cả vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động SXKD của công ty.
- Áp dụng đối với các phòng ban, Xí nghiệp XDCT, các đội đường sắt.

Các văn bản Pháp lý để thực hiện:

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10/05/2016 của Bộ GTVT và Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương;
- Thông tư liên tịch số 10/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10/05/2016 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư;
- Các văn bản pháp lý liên quan;
- Phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì KCHT đường sắt quốc gia hàng năm của Tổng công ty ĐSVN được Bộ Giao Thông Vận Tải phê duyệt (phần chi tiết kinh phí vật liệu của Công ty CP đường sắt Phú Khánh);
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP đường sắt Phú Khánh;
- Các tiêu chuẩn vật tư, vật liệu, phụ kiện sử dụng trong công tác bảo trì công trình đường sắt Việt Nam – TCCS 04:2014/VNRA; TCCS 06:2014/VNRA...

Điều 8: Quy trình chi tiết

1.1. Mua sắm hàng hóa nhằm duy trì hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của công ty cổ phần đường sắt Phú Khánh:

1.2. Phạm vi, danh mục hàng hóa mua sắm:

- Các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện sử dụng trong công tác bảo trì công trình đường sắt quốc gia theo tiêu chuẩn – TCCS 04:2014/VNRA; TCCS 06:2014/VNRA.

- Các loại trang phục đặc thù, bảo hộ lao động phục vụ công tác chuyên môn (bao gồm cả mua sắm vật liệu và công may).

- Các loại trang thiết bị, phương tiện làm việc khác phục vụ công tác chuyên môn, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy...

1.3. Lưu đồ của quy trình:

Stt	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Người ký
I	Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:		
1	- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm. Nếu chưa đủ điều kiện lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước; - Trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu; - Việc phân chia dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự toán mua sắm và quy mô gói thầu hợp lý.	Bên mời thầu	Hội đồng quản trị
2	- Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm: + Phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì KCHT đường sắt quốc gia hàng năm của Tổng công ty ĐSVN được Bộ Giao Thông Vận Tải phê duyệt (phần chi tiết kinh phí vật liệu của Công ty CP đường sắt Phú Khánh); + Dự toán kinh phí gói thầu được phê duyệt; + Nguồn vốn.	Bên mời thầu	
II	Trình, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu...;		
1	- Sau khi lập HSMT, HSYC..., bên mời thầu có trách nhiệm trình tổ thẩm định, chủ đầu tư xem xét, phê duyệt; - Văn bản trình duyệt HSMT, HSYC... được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015; Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ; - Khi trình duyệt HSMT, HSYC..., phải gửi kèm theo bản chụp các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 34 của Luật đấu thầu 43/2013/QH13.	Bên mời thầu	Hội đồng quản trị

Stt	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Người ký
2	- Thẩm định HSMT, HSYC..., là việc tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung trong HSMT, HSYC...theo tờ trình của bên mời thầu; - Tổ chức được giao thẩm định HSMT, HSYC... chịu trách nhiệm thẩm định và lập báo cáo thẩm định trình chủ đầu tư phê duyệt; - Báo cáo thẩm định được lập theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ KHĐT quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.	Tổ thẩm định	Tổ trưởng tổ thẩm định
3	- Căn cứ tờ trình của bên mời thầu, báo cáo thẩm định của tổ thẩm định, chủ đầu tư quyết định phê duyệt HSMT, HSYC..., bằng văn bản để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu.	Bên mời thầu; Tổ thẩm định	Hội đồng quản trị
III	Nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu:		
1	Nội dung HSMT, HSYC được lập theo Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/6/2015; Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015.	Bên mời thầu	Hội đồng quản trị
2	Tên gói thầu		
3	Giá gói thầu		
4	Nguồn vốn		
5	* Các hình thức lựa chọn nhà thầu áp dụng đối với công ty CP đường sắt Phú Khánh: a) Đấu thầu rộng rãi: được áp dụng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu 43/2013/QH13, trừ các trường hợp quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 của Luật đấu thầu 43/2013/QH13; b) Đấu thầu hạn chế: Điều 21 Luật đấu thầu 43/2013/QH13 Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong trường hợp gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu; c) Chỉ định thầu áp dụng trong các trường hợp sau: Điều 22 Luật đấu thầu 43/2013/QH13 + Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do phải bảo đảm tính tương thích về công	Bên mời thầu	Hội đồng quản trị

Stt	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Người ký
	nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm; mua bản quyền sở hữu trí tuệ; + Gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, gói thầu có giá gói thầu trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu theo quy định của Chính phủ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Hạn mức chỉ định thầu quy định tại Điều 54 Nghị định 63/2014/NĐ-CP như sau: 1. Không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công; không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, mua thuốc, vật tư y tế, sản phẩm công; 2. Không quá 100 triệu đồng đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên. d) Chào hàng cạnh tranh: Điều 23 Luật đấu thầu 43/2013/QH13 + Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng; + Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt; Hạn mức chào hàng cạnh tranh được quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định 63/2014/NĐ-CP là không quá 05 tỷ đồng. đ) Chào hàng cạnh tranh theo quy trình rút gọn: áp dụng đối với gói thầu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng, gói thầu quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 23 của Luật Đấu thầu có giá trị không quá 01 tỷ đồng, gói thầu đối với mua sắm thường xuyên có giá trị không quá 200 triệu đồng. e) Mua sắm trực tiếp: Điều 24 Luật đấu thầu 43/2013/QH13 Mua sắm trực tiếp được áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự thuộc cùng một dự án, dự toán mua sắm hoặc thuộc dự án, dự toán mua sắm khác. Mua sắm trực tiếp được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: + Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó; + Gói thầu có nội dung, tính chất tương tự và quy mô nhỏ hơn 130% so với gói thầu đã ký hợp đồng trước đó;		

Stt	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Người ký
	+ Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó; + Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.		
6	* Các phương thức lựa chọn nhà thầu áp dụng đối với công ty CP đường sắt Phú Khánh: a) Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ: Điều 28 Luật đấu thầu 43/2013/QH13 b) Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ: Điều 29 Luật đấu thầu 43/2013/QH13	Bên mời thầu	Hội đồng quản trị
7	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu		
8	Loại hợp đồng: Trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải xác định rõ loại hợp đồng để làm căn cứ lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; ký kết hợp đồng.		
9	Thời gian thực hiện hợp đồng: Là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, trừ thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành (nếu có).		
IV	Quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu:		
1	* Quy trình đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế: 1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu: - Lập hồ sơ mời thầu: Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 16/06/2015 của Bộ KH&ĐT. + Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP. - Thẩm định hồ sơ mời thầu: Báo cáo thẩm định lập theo mẫu Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Phê duyệt hồ sơ mời thầu: Chủ đầu tư phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu. 2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu: Điều 38 Luật đấu thầu 43/2013/QH13; Điều 11 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP. a) Mời thầu; b) Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; c) Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu;	Bên mời thầu Tổ thẩm định Tổ chuyên gia đánh giá	Hội đồng quản trị

Stt	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Người ký
	d) Mở thầu. 3. Đánh giá hồ sơ dự thầu, bao gồm: a) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDT; b) Đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu; c) Xếp hạng nhà thầu. 4. Thương thảo hợp đồng. 5. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. 6. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng		
2	* Quy trình chỉ định thầu: 1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu: - Lập hồ sơ yêu cầu: Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. + Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất quy định tại Chương III mẫu số 02 của Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT. - Thẩm định hồ sơ yêu cầu: thẩm định theo quy định tại Điều 105 Nghị định 63/2014/NĐ-CP trước khi phê duyệt và theo mẫu Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Phê duyệt hồ sơ yêu cầu: Chủ đầu tư phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu. 2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu: Điều 38 Luật đấu thầu 43/2013/QH13; Điều 55 Nghị định 63/2014/NĐ-CP. a) Phát hành hồ sơ cho nhà thầu đã được xác định; b) Chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; c) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu; d) Trình phê duyệt kết quả chỉ định thầu; đ) Thẩm định kết quả chỉ định thầu; e) Phê duyệt kết quả chỉ định thầu; g) Công khai kết quả chỉ định thầu; h) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.	Bên mời thầu Tổ thẩm định Tổ chuyên gia đánh giá	Hội đồng quản trị
3	* Quy trình chào hàng cạnh tranh thông thường: 1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu: - Lập hồ sơ yêu cầu: Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. + Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất quy định tại Chương II mẫu số 04 của Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT.		

Stt	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Người ký
	- Thẩm định hồ sơ yêu cầu: thẩm định theo quy định tại Điều 105 Nghị định 63/2014/NĐ-CP trước khi phê duyệt và theo mẫu Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Phê duyệt hồ sơ yêu cầu: Chủ đầu tư phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu. 2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu: Điều 38 Luật đấu thầu 43/2013/QH13; Điều 58 Nghị định 63/2014/NĐ-CP. a) Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu; b) Nộp, tiếp nhận, bảo quản hồ sơ đề xuất; c) Mở thầu. 3. Đánh giá hồ sơ đề xuất bao gồm: a) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất; b) Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất; c) Xếp hạng nhà thầu. d) Thương thảo hợp đồng. 4. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. 5. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Bên mời thầu Tổ thẩm định Tổ chuyên gia đánh giá	Hội đồng quản trị
4	* Quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn: Tổ chức lựa chọn nhà thầu: Điều 38 Luật đấu thầu 43/2013/QH13; Điều 59 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP. a) Chuẩn bị và gửi bản yêu cầu báo giá; b) Nộp và tiếp nhận báo giá; c) Đánh giá các báo giá; d) Trình phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh; đ) Thẩm định kết quả chào hàng cạnh tranh; e) Phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh; g) Công khai kết quả chào hàng cạnh tranh; h) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng	Bên mời thầu Tổ thẩm định Tổ chuyên gia đánh giá	Hội đồng quản trị
5	* Quy trình mua sắm trực tiếp: 1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu: - Lập hồ sơ yêu cầu: theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 63/2014/NĐ-CP. - Thẩm định hồ sơ yêu cầu: thẩm định theo quy định tại Điều 105 Nghị định 63/2014/NĐ-CP và theo mẫu Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Phê duyệt hồ sơ yêu cầu: Chủ đầu tư phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu.	Bên mời thầu Tổ thẩm định Tổ chuyên gia đánh giá	Hội đồng quản trị

Stt	Nội dung	Bộ phận thực hiện	Người ký
	2. Phát hành hồ sơ yêu cầu; 3. Chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; 4. Đánh giá hồ sơ đề xuất; 5. Thương thảo về các đề xuất của nhà thầu; 6. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp; 7. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng		
V	Tổ chức thực hiện sau khi kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt:		
1	Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	P.Nghiệp vụ	Giám đốc
2	Nghiệm thu số lượng, quy cách, chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn - TCCS 04:2014/VNRA; TCCS 06:2014/VNRA.	P.Nghiệp vụ	Phòng nghiệp vụ.
3	Nhập kho, Xuất kho cho các đơn vị theo phương án tác nghiệp kỹ thuật	P.Nghiệp vụ	Ban Giám đốc
4	Thanh lý hợp đồng	P.Nghiệp vụ	Giám đốc

Mục II

QUY TRÌNH XUẤT, NHẬP VẬT TƯ, HÀNG HÓA

Điều 9: Nhập vật tư, hàng hóa mua ngoài

Chứng từ liên quan:

- *Phiếu nhập kho vật tư, hàng hóa:*
 - + Đơn vị lập: Phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị thuộc công ty
 - + Người ký: Người giao, thủ kho, Kế toán trưởng, Giám đốc
 - + Số liên: 2 liên (Phòng Tài chính kế toán, Thủ kho)
- *Biên bản kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng:*
 - + Đơn vị lập: Trưởng đoàn kiểm tra, kiểm nghiệm.
 - + Người ký: Trưởng đoàn, thành viên đoàn, thủ kho.
 - + Số liên: 2 liên (Phòng KHVT, TCKT)
- *Biên bản giao nhận vật tư, hàng hóa: Đối với vật tư xuất trực tiếp tại công trình, hoặc giữa bên bán và bên mua.*
 - + Đơn vị lập: Đơn vị cung cấp
 - + Người ký: Người giao, người nhận.
 - + Số liên: 3 liên (Phòng TCKT, nhà cung cấp, đơn vị thi công)
- *Hoá đơn tài chính:*
 - + Đơn vị lập: nhà cung cấp
 - + Người ký: Đại diện nhà cung cấp, người mua.
 - + Số liên: 1 liên đỏ (Phòng TCKT), Liên sao lưu các bộ phận liên quan.

Điều 10: Nhập kho thành phẩm tự sản xuất

Chứng từ liên quan:

- *Phiếu xuất vật tư để sản xuất sản phẩm: Theo thủ tục phiếu xuất kho*
- *Biên bản kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng:*
 - + Đơn vị lập: Đoàn nghiệm thu tháng, quý.
 - + Người ký: Trưởng đoàn, thành viên đoàn.
 - + Số liên: 2 liên (Phòng KHVT, TCKT)
- *Biểu tính giá sản phẩm:*
 - + Đơn vị lập: Phòng KHVT.
 - + Đơn vị phối hợp: Phòng KT-AT, TCKT, TCHC
 - + Người ký: Người lập, Trưởng, phó phòng KHVT, Giám đốc.
 - + Số liên: 3 liên (Phòng KHVT, TCKT, TCHC)
- *Phiếu nhập kho vật tư, vật liệu:*
 - + Đơn vị lập: Phòng TCKT
 - + Người ký: Người giao, thủ kho, Kế toán trưởng, Giám đốc
 - + Số liên: 2 liên (Phòng TCKT, thủ kho)

Điều 11: Xuất vật tư, vật liệu cho sản xuất

Căn cứ xuất vật tư, vật liệu cho SXKD: Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý, các bản giao kế hoạch hàng tháng, các báo cáo sửa chữa khẩn cấp...

Chứng từ liên quan:

- *Phiếu xuất kho:*

+ Người lập: Phòng TCKT

+ Người ký: Người nhận, thủ kho, Kế toán trưởng, Giám đốc

+ Số liên: Lưu tại phòng TCKT, thủ kho và các bộ phận liên quan

- *Phiếu nhập kho thành phẩm, vật tư sản xuất còn thừa, phế liệu:*

+ Đơn vị lập: Phòng KHVT, các đơn vị

+ Người ký: Người giao, thủ kho, Kế toán trưởng, Giám đốc

+ Số liên: 3 liên (Phòng KHVT, TCKT, thủ kho)

- *Báo cáo nhập - xuất - tồn vật tư, vật liệu:*

+ Người lập: Phòng KHVT (thống kê vật tư lập)

+ Người ký: Người lập, Trưởng, phó phòng KHVT, Kế toán trưởng, Giám đốc

+ Số liên: 3 liên (Phòng KHVT, TCKT, thủ kho)

+ Thời gian thực hiện: kỳ nghiệm thu tháng, quý, năm.

- *Biên bản đối chiếu số liệu hàng tồn kho:*

+ Người lập: Kế toán vật tư/ thủ kho.

+ Người ký: Kế toán vật tư, thủ kho, kế toán trưởng.

+ Số liên: 2 liên (Phòng TCKT, thủ kho)

+ Thời gian thực hiện: Cuối tuần, tháng, quý, năm.

Chương III
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ
VỀ THU HỒI, QUẢN LÝ, THANH LÝ VẬT TƯ, HÀNG HÓA

Mục I

QUY TRÌNH THU HỒI, QUẢN LÝ, THANH LÝ VẬT TƯ GIỮ HỘ

*** Các văn bản Pháp lý để thực hiện:**

- Thông tư liên tịch số 10/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10/05/2016 của Bộ Giao thông vận tải- Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư;

- Quyết định số 106/QĐ-ĐS ngày 13/2/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty đường sắt Việt Nam ban hành Quy định về quy trình thanh lý vật tư thu hồi từ bảo trì KCHTĐS và từ các dự án đường sắt;

- Quyết định số 195/QĐ-ĐS ngày 08/3/2017 và Quyết định số 243/QĐ-ĐS ngày 21/3/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN thành lập, kiện toàn, thay thế, bổ sung Hội đồng thanh lý tài sản của Tổng công ty đường sắt Việt Nam.

Điều 12: Phân loại vật tư thu hồi giữ hộ

12.1. Vật tư thu hồi từ bảo trì KCHT đường sắt:

Là các vật tư chuyên dùng thuộc KCHT đường sắt được thay ra và thu hồi được trong quá trình quản lý, bảo trì KCHT đường sắt; được xử lý theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 10/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10/5/2016 của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

12.2. Vật tư thu hồi từ các dự án đầu tư phát triển đường sắt:

Là các vật tư chuyên dùng thuộc KCHT đường sắt được thay ra và thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình KCHT đường sắt cũ khi xây dựng công trình KCHT đường sắt mới; được xử lý theo quy định tại Chương V Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn Nhà nước.

12.3. Phân loại vật tư thu hồi giữ hộ theo tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng:

- Sử dụng lại được: là các vật tư thu hồi còn đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sử dụng cho bảo trì KCHT đường sắt.

- Không sử dụng lại được: là các vật tư thu hồi đã lạc hậu, không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sử dụng cho bảo trì KCHT đường sắt.

Điều 13: Tổ chức thu hồi và báo cáo vật tư thu hồi giữ hộ

13.1. Vật tư thu hồi từ bảo trì KCHT đường sắt được công ty tổ chức thu gom, vận chuyển về kho, bãi tập kết trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa khẩn cấp KCHT đường sắt; được tổng hợp, phân loại, đánh giá chất lượng cùng với công tác nghiệm thu khối lượng bảo trì KCHT đường sắt định kỳ.

Định kỳ hàng quý hoặc 6 tháng, sau khi nghiệm thu khối lượng bảo trì KCHT đường sắt, công ty báo cáo Tổng công ty phương án xử lý vật tư thu hồi, kèm theo Biên bản phân loại đánh giá chất lượng có xác nhận của Ban Quản lý KCHTĐS.

13.2. Vật tư thu hồi từ các dự án được công ty thực hiện thu gom, vận chuyển về kho, bãi tập kết và bảo quản theo quy định trong hợp đồng đã ký kết với Ban QLDAĐS. Ban QLDAĐS tổ chức kiểm kê, phân loại, đánh giá chất lượng; công ty đã tổ chức trông coi, bảo quản theo nguyên trạng.

Ban QLDAĐS tổng hợp số lượng vật tư thu hồi theo công trình, gói thầu hoặc dự án, báo cáo Tổng công ty phương án xử lý.

Điều 14: Chứng từ vật tư thu hồi giữ hộ:

14.1. Vật tư thu hồi từ bảo trì KCHT đường sắt:

+ Biên bản xác nhận vật tư thu hồi hàng tháng do đoàn nghiệm thu và đơn vị thi công lập và ký xác nhận.

+ Biên bản phân loại vật tư thu hồi quý (theo mẫu của Ban QLKCHT đường sắt) được xác nhận của Ban QLKCHT đường sắt.

+ Biên bản phân loại vật tư thu hồi có đầy đủ các thành phần tham gia như: đơn vị thi công, đơn vị quản lý và Ban QLKCHT đường sắt.

+ Phiếu nhập kho (mẫu số 01-VT ban hành theo QĐ 15/2006QĐ-BTC) được lập với đầy đủ chữ ký theo đúng qui định của Bộ Tài chính đã ban hành.

14.2. Vật tư thu hồi từ các dự án đầu tư phát triển đường sắt:

+ Biên bản bàn giao mặt bằng của công trình (phần kiểm đếm vật tư thu hồi thay ra tại hiện trường)

+ Biên bản phân loại, đánh giá chất lượng vật tư thu hồi có đầy đủ các thành phần tham gia như: đơn vị thi công, đơn vị quản lý, đơn vị được thuê trông coi, bảo quản, Ban QLDAĐS và ký xác nhận.

+ Phiếu nhập kho vật tư thu hồi giữ hộ được lập với đầy đủ chữ ký theo đúng qui định của Bộ Tài chính đã ban hành.

14.3. Các rủi ro xảy ra và cơ chế kiểm soát tương ứng:

Trong quá trình sửa chữa KCHT đường sắt do tính đặc thù của ngành sẽ có một lượng vật tư thay ra thu hồi lại được. Thực hiện việc thu hồi trên nguyên tắc:

+ Khối lượng vật tư cần thu hồi bằng khối lượng vật tư đưa vào thay thế.

+ Căn cứ vào các biên bản đã được kiểm đếm tại hiện trường có sự xác nhận của các bên và xem xét đối chiếu với Hồ sơ thiết kế của đơn vị thi công.

14.4. Đối với vật tư thu hồi từ KCHT đường sắt do công ty thực hiện:

Đối với công trình sửa chữa thường xuyên định kỳ

+ Số lượng thu hồi được thống nhất xác định giữa đoàn nghiệm thu hàng tháng với đơn vị thi công.

+ Trường hợp vật tư thu hồi bị thiếu, mất hoặc vật tư bị mục nát không thu hồi được đơn vị phải có thuyết minh và được đoàn nghiệm thu kiểm tra và xác nhận. Tùy theo tính chất loại vật tư, số lượng thiếu của từng đơn vị, phòng KHVT chủ trì phối hợp với phòng TCKT tham mưu Giám đốc Công ty để xử lý.

Đối với các công trình sửa chữa thường xuyên khẩn cấp đảm bảo an toàn, duy tu tập trung, xây dựng cơ bản khác

+ Số lượng vật tư thu hồi căn cứ vào biên bản bàn giao mặt bằng, phân kiểm đếm thực tế vật tư tại hiện trường có ký xác nhận của các bên.

+ Toàn bộ vật tư thu hồi đơn vị thi công có trách nhiệm thu gom và trả về nhập kho Công ty.

14.5. Đối với vật tư thu hồi từ các dự án do đơn vị khác thực hiện trong khu vực công ty quản lý:

Khi thực hiện bàn giao mặt bằng thi công, căn cứ vào hồ sơ thiết kế và hiện trạng công trình, căn cứ vào biên bản kiểm đếm tại hiện trường để xác định khối lượng, chủng loại vật tư dự kiến thu hồi (được ghi trong Biên bản bàn giao mặt bằng công trình).

Sau khi công trình thi công hoàn thành, phòng KHVT thực hiện thu hồi và quản lý theo các quy định của TCT ĐSVN và Nhà nước; số lượng, chủng loại theo Biên bản bàn giao mặt bằng công trình.

Việc giao nhận vật tư thu hồi giữa đơn vị thi công và Công ty thông qua Biên bản theo mẫu của Chủ đầu tư và phải có xác nhận của phía chủ đầu tư (Tư vấn giám sát bên A hoặc chủ đầu tư), phòng KHVT lập phiếu nhập kho theo quy định.

Căn cứ vào các biên bản để tiến hành xem xét đối chiếu giữa số lượng theo biên bản và số lượng thực thu được. Trường hợp đơn vị thi công giao số lượng vật tư thu hồi bị thiếu so với yêu cầu, đơn vị thi công phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Tất cả các vật tư thu hồi trước khi nhập kho đều phải được Hội đồng nghiệm thu kiểm tra, phân loại sau đó đơn vị giao hàng làm thủ tục nhập kho, thủ kho căn cứ vào Biên bản phân loại cho xếp hàng vào đúng nơi quy định. và ghi chép thẻ của thủ kho, ghi nhận của kế toán, sổ chi tiết vật tư.

Mục II

QUY TRÌNH QUẢN LÝ HÀNG TỒN KHO

Điều 15: Hàng tồn kho

1. Mục tiêu:

Hàng tồn kho thường chiếm tỉ trọng lớn, số lượng nghiệp vụ nhập xuất lớn, hàng tồn kho lại được cất trữ ở nhiều nơi và việc xác định tình trạng của hàng tồn kho là một công việc khó khăn nên dễ phát sinh ra các gian lận và sai sót. Chính vì vậy, hướng đến việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế các gian lận và sai sót, góp phần bảo vệ tài sản của đơn vị được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả.

2. Chứng từ liên quan:

- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hóa
- Phiếu xuất kho
- Thẻ kho

Điều 16: Một số rủi ro thường gặp và cơ chế kiểm soát tương ứng

- Hòa hoãn, mất cắp, lãng phí. Kiểm soát:
 - + Hạn chế hàng tồn kho
 - + Định kỳ kiểm tra kho
 - + Tuân thủ các quy định phòng cháy chữa cháy

- Tồn kho vượt mức cần thiết/không đáp ứng nhu cầu. Kiểm soát:
 - + Xác định mức tồn kho tối ưu
 - + Báo cáo khi tồn kho vượt quá hoặc thấp hơn mức an toàn
- Không kịp thời xử lý hàng tồn chậm luân chuyển. Kiểm soát:
 - + Theo dõi vòng quay tồn kho
 - + Báo cáo về hàng tồn chậm luân chuyển
- Đánh giá không chính xác giá trị tồn kho. Kiểm soát:
 - + Quy định cụ thể cách định giá hàng tồn kho, chậm luân chuyển
- Các báo cáo về các biến động bất thường :
 - + Tình hình hàng bán trả lại
 - + Các trường hợp trễ hạn sản xuất

16.1 Các thủ tục kiểm soát về nghiệp vụ quản lý tồn kho

Bộ phận kho phải độc lập với bộ phận mua hàng, bộ phận nhận hàng và kế toán; Định kỳ theo quy định phải kiểm kê đối chiếu số liệu với thẻ kho và sổ kế toán chi tiết hàng tồn kho; Mọi vật tư, hàng hóa nhập kho đều phải có đầy đủ chứng từ chứng minh nguồn gốc; Quản lý riêng biệt hàng tồn kho thuộc quyền kiểm soát và không thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp; Đánh giá chất lượng hàng tồn kho qua kiểm kê;

Định kỳ đối chiếu số liệu giữa thủ kho và kế toán để chỉnh sửa các sai sót. Thủ kho nhận hàng và bảo quản hàng riêng theo từng khu vực, xuất hàng theo thứ tự nhập trước xuất trước. Cuối kỳ tiến hành kiểm kê hàng hóa, bảo quản hàng không phải của doanh nghiệp ở khu vực riêng.

Công tác kiểm kê cần được thực hiện nghiêm túc. Lập bảng đánh giá chất lượng làm căn cứ đánh giá hàng tồn kho sau quá trình kiểm kê.

16.2. Các thủ tục kiểm soát về nghiệp vụ xuất kho

Bộ phận có nhu cầu sử dụng vật tư phải lập phiếu nhận vật tư; Việc phê chuẩn xuất vật tư phải được lập dựa trên kế hoạch giao nhiệm vụ đã được phê duyệt; Phiếu xuất kho phải được lập dựa trên phiếu yêu cầu sử dụng vật tư đã được phê chuẩn; Cách ly các chức năng lập, duyệt, thủ kho và kế toán; Các nghiệp vụ xuất kho thành phẩm, hàng hóa phải căn cứ vào hợp đồng bán hàng hoặc đơn đặt hàng đã được duyệt; Kế toán kiểm tra tính hợp pháp của các chứng từ đối chiếu các thông tin giữa các chứng từ với nhau, đảm bảo các thông tin trùng khớp mới thực hiện việc ghi sổ; Sử dụng phiếu xuất kho được đánh số trước và ghi sổ theo thứ tự đó.

Thủ kho chỉ đồng ý xuất hàng khi có phiếu xuất kho. Trường hợp đột xuất như bão lũ lụt, tai nạn làm ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu phải có ý kiến và văn bản của người có thẩm quyền và phải được hoàn thiện thủ tục xuất kho vào ngày hôm sau.

Quá trình xuất kho tại công ty cơ bản đảm bảo được nghiệp vụ xuất kho không bị bỏ sót, số liệu về hàng tồn kho được ghi chép chính xác, ghi nhận đúng tài khoản, phê duyệt đúng đắn, hàng xuất được kiểm tra chất lượng đầy đủ.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17: Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 4 Chương, 17 Điều có hiệu lực từ ngày 17/10/2019;
2. Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với những thay đổi về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty và các quy định hiện hành. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế bất kỳ điều khoản nào của quy chế này chỉ có hiệu lực khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật;
3. Ngoài những quy định trong quy chế này, công ty áp dụng các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước. Các quy định khác của công ty trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang